

Name: \_\_\_\_\_

Class: \_\_\_\_\_

## Accessories and Jewelry

Circle the correct option



- a) 玉石 yùshí
- b) 银 yín
- c) 钻石 zuànshí



- a) 黄金 huángjīn
- b) 玉石 yùshí
- c) 珍珠 zhēnzhū



- a) 银 yín
- b) 玉石 yùshí
- c) 白色金 báisè jīn



- a) 玉石 yùshí
- b) 黄金 huángjīn
- c) 玫瑰金 méiguī jīn



- a) 项链 xiàngliàn
- b) 玉石 yùshí
- c) 手镯 shǒuzhuó



- a) 坠子 zhuìzi
- b) 耳环 ěrhuán
- c) 戒指 jièzhǐ

Find the words in the wordsearch

手	戒	珍	珠	坠	瑰	玉	项
指	手	链	环	珠	针	白	耳
玉	石	链	玫	手	黄	色	坠
项	指	戒	耳	石	镯	金	子
珍	链	指	钻	胸	石	金	玫
子	钻	胸	镯	黄	针	耳	瑰
手	子	石	针	钻	金	环	金

坠子 zhuìzi  
 耳环 ěrhuán  
 戒指 jièzhǐ  
 玉石 yùshí  
 手镯 shǒuzhuó  
 玫瑰金 méiguī jīn  
 黄金 huángjīn  
 项链 xiàngliàn  
 钻石 zuànshí  
 珍珠 zhēnzhū  
 白色金 báisè jīn  
 手链 shǒuliàn  
 胸针 xiōngzhēn